

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 6**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 155 /QĐ-HĐTV

Quận 6, ngày 31 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản cố định, công cụ dụng cụ

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 6**

Căn cứ Luật số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

Căn cứ Thông tư số 147/2016/BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài Chính về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/BTC ngày 25 tháng 05 năm 2021 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn một số nội dung vào đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 20/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế quản lý sử dụng tài sản cố định công cụ dụng cụ*” của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 6.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng thành viên, Ban giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng chuyên môn và các đơn vị phụ thuộc công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND TPHCM;
- Chi cục TCDN;
- Ủy ban nhân dân Quận 6;
- Kiểm soát viên;
- Lưu VT.





Quận 6, ngày ~~31~~ tháng ~~7~~ năm 2023

QUY CHẾ
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, CÔNG CỤ DỤNG CỤ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~155~~/QĐ-HĐTV ngày ~~31~~ tháng ~~7~~ năm 2023
của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 6)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

- Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng, mua sắm, sửa chữa, thanh lý thuê và cho thuê tài sản cố định, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 6.

- Những nội dung quản lý, sử dụng, mua sắm, sửa chữa, thanh lý, thuê và cho thuê tài sản cố định, công cụ dụng cụ không đề cập trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty*: Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 6.
2. *Cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty*: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
3. *Vốn Điều lệ của công ty*: vốn do Cơ quan đại diện chủ sở hữu đầu tư tại công ty và các nguồn vốn hợp pháp khác được ghi vào Điều lệ của công ty.
4. *Vốn của công ty*: vốn do Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty đầu tư tại công ty, vốn huy động, vốn tích lũy và các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.
5. *Tài sản cố định của công ty*: gồm tài sản cố định hữu hình (nhà cửa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý), tài sản cố định vô hình được hình thành từ vốn điều lệ của công ty, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác do công ty quản lý sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính.
6. *Bất động sản đầu tư*: là nguồn nhà thuộc sở hữu nhà nước do chủ sở hữu giao cho công ty giữ hộ, cho thuê nộp tiền về ngân sách nhà nước.
7. *Khấu hao tài sản cố định*: là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của tài sản cố định vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian trích khấu hao của TSCĐ.

8. *Thời gian trích khấu hao TSCĐ*: là thời gian cần thiết mà công ty thực hiện việc trích khấu hao TSCĐ để thu hồi vốn đầu tư TSCĐ.

9. *Đơn vị trực thuộc*: các đơn vị hạch toán phụ thuộc và không có tư cách pháp nhân theo luật pháp Việt Nam gồm các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ, các Đội lao động trực tiếp (Vệ sinh, Duy tu, Quản lý cây xanh, Quản lý nhà, Phân xưởng sửa chữa cơ khí.)

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Điều 3. Xác định nguyên giá của TSCĐ

1. Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm: là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm TSCĐ; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

2. Trường hợp TSCĐ hữu hình mua trả chậm, trả góp: nguyên giá TSCĐ là giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có)....

3. TSCĐ hữu hình tự xây dựng: nguyên giá TSCĐ là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

4. TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến: nguyên giá TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ kế toán ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí thuê tổ chức định giá; chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử...

5. Nguyên giá TSCĐ của doanh nghiệp chỉ được thay đổi khi:

a) Đánh giá lại giá trị TSCĐ:

Việc đánh giá nhằm xác định lại giá trị của TSCĐ được thực hiện khi:

- Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Thực hiện chuyển đổi cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty; cổ phần hóa, bán công ty, đa dạng hóa hình thức sở hữu;
- Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài công ty;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- b) Đầu tư nâng cấp TSCĐ
- c) Tháo dỡ một hay một số bộ phận của TSCĐ mà các bộ phận này được quản lý theo tiêu chuẩn của một TSCĐ hữu hình.

Việc đánh giá lại tài sản phải đúng theo quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

Khi thay đổi nguyên giá TSCĐ, doanh nghiệp phải lập biên bản ghi rõ các căn cứ thay đổi và xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán, sổ khấu hao lũy kế, thời gian sử dụng của TSCĐ và tiến hành hạch toán theo quy định.

Điều 4. Phân biệt TSCĐ và công cụ dụng cụ

1. TSCĐ hữu hình là những tài sản có kết cấu độc lập, hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thoả mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là **TSCĐ**:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng trên 01 (một) năm trở lên;
- Nguyên giá tài sản có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.

2. Tài sản thoả mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, mà không hình thành TSCĐ hữu hình được coi là TSCĐ vô hình.

3. Công cụ, dụng cụ: là tư liệu lao động của công ty, tham gia một hay nhiều chu kì sản xuất kinh doanh. Nhưng có giá trị nhỏ hơn 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và có thời gian sử dụng ngắn.

Điều 5. Phân loại TSCĐ

Căn cứ vào mục đích sử dụng của TSCĐ mà công ty tiến hành phân loại TSCĐ. Việc phân loại TSCĐ được quy định tại Điều 6 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư 147/2016/BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung 1 số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

Điều 6. Nguyên tắc quản lý, sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ:

1. Mỗi TSCĐ trong công ty phải có bộ hồ sơ riêng (gồm biên bản giao nhận tài sản cố định, hợp đồng, hóa đơn mua TSCĐ và các chứng từ, giấy tờ khác có liên quan..). Mỗi TSCĐ phải được phân loại, lập thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ. Phòng Tài chính Kế toán quản lý TSCĐ theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán.

2. Đối với những TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, công ty phải thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định.

3. Doanh nghiệp phải thực hiện việc quản lý đối với những tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh như những TSCĐ thông thường.

4. Mỗi TSCĐ, công cụ dụng cụ đều được giao cho một phòng, đội, cá nhân cụ thể quản lý sử dụng. Đối với TSCĐ, bộ phận quản lý, sử dụng trực tiếp thể hiện trên thẻ tài sản; đối với công cụ, dụng cụ thể hiện tại phiếu xuất kho. Các bộ phận, cá nhân được giao trực tiếp sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ có trách nhiệm bảo quản, sử dụng đúng mục

đích, đúng tiêu chuẩn, định mức; hiệu quả và tiết kiệm; Trưởng bộ phận được giao trực tiếp sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ có trách nhiệm quản lý, điều tiết TSCĐ, công cụ dụng cụ trong bộ phận mình quản lý, thông báo kịp thời về tình trạng hư hỏng và thực hiện đề xuất bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy định.

5. Không tự ý đổi, trao đổi, điều chuyển TSCĐ, công cụ dụng cụ giữa các cá nhân, bộ phận. Bàn giao lại TSCĐ, công cụ dụng cụ được giao quản lý, sử dụng khi chuyển công tác, nghỉ việc, nghỉ hưu... Việc điều chuyển TSCĐ, công cụ dụng cụ giữa các bộ phận, cá nhân sử dụng đều phải được sự phê duyệt của Ban Giám đốc; được lập thành biên bản. Hồ sơ bàn giao TSCĐ, công cụ dụng cụ được lưu lại Phòng kế toán và tại các bộ phận quản lý sử dụng có TSCĐ điều chuyển đi và điều chuyển đến.

6. Mỗi TSCĐ, công cụ dụng cụ được theo dõi quản lý, sử dụng từ khi hình thành cho đến khi có quyết định thanh lý. Định kỳ có kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo quy định. Việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, công cụ dụng cụ phải được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 7. Trách nhiệm của các bộ phận trong việc quản lý, sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ:

1. Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc công ty:

- Phê duyệt kế hoạch mua sắm, sửa chữa, cho thuê, thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ.
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ đối với các bộ phận, tổ chức, cá nhân trong đơn vị.
- Xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ.

2. Phòng Tài chính kế toán:

- Lập và lưu trữ các hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tăng giảm của TSCĐ, công cụ dụng cụ. Trích khấu hao theo quy định.
- Phối hợp với các bộ phận sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ kiểm kê TSCĐ, công cụ dụng cụ vào cuối năm tài chính, hoặc khi có yêu cầu của các cấp có thẩm quyền.
- Đánh giá lại tài sản, xác định tài sản thừa, thiếu và nguyên nhân để trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.
- Lập hồ sơ thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ theo quy định.
- Quản lý, hạch toán, sử dụng tiền thu được từ thanh lý, cho thuê TSCĐ, công cụ dụng cụ theo quy định.

3. Phòng Kế hoạch kỹ thuật:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, nhu cầu thực tế của đơn vị hoặc từ đề xuất của các phòng, đội, xưởng trong đơn vị, phòng Kế hoạch kỹ thuật có nhiệm vụ

lập kế hoạch sử dụng, mua sắm, sửa chữa, thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

4. Phòng Quản trị nhân sự:

Phối hợp phòng Tài chính kế toán lập kế hoạch kiểm kê hàng năm, ra quyết định kiểm kê và thực hiện chứng kiến kiểm kê.

5. Các bộ phận trực tiếp quản lý, sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ:

-Sử dụng có hiệu quả các TSCĐ, công cụ dụng cụ được giao.

-Khi phát hiện hư hỏng, làm giấy đề xuất báo phòng Kế hoạch kỹ thuật trình Ban lãnh đạo phê duyệt sửa chữa; không tự sửa chữa, thay thế linh kiện, phụ tùng các TSCĐ, công cụ dụng cụ được giao.

-Tham gia chứng kiến kiểm kê và tạo điều kiện cho việc kiểm kê được thực hiện đúng kế hoạch.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG, MUA SẮM, NÂNG CẤP, SỬA CHỮA, THUÊ, CHO THUÊ, CẦM CỐ, THẾ CHẤP TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Điều 8. Đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định của công ty

1. Tài sản cố định của công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình. Tiêu chuẩn để xác định tài sản cố định được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Công ty được thuê tài sản để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

3. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định của công ty:

- Hội đồng thành viên quyết định việc thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định có giá trị không quá 50% Vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

- Hội đồng thành viên công ty quyết định phân cấp cho Giám đốc công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định trong phạm vi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ của công ty, theo đó:

+Những dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định trong phạm vi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ của công ty có giá trị dưới 200 triệu đồng sẽ do Giám đốc tự quyết định và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên công ty và pháp luật;

+Những dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định trong phạm vi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ của công ty có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên phải có ý kiến bằng văn bản hoặc nghị quyết của Hội đồng thành viên.

- Trường hợp dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị hơn 50% Vốn chủ sở hữu của công ty, Hội đồng thành viên báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty xem xét, phê duyệt.

4. Trường hợp mua sắm tài sản cố định cũ, đã qua sử dụng có giá trị lớn hơn 100 triệu đồng, công ty phải thuê tổ chức có chức năng kiểm định chất lượng và thẩm định giá nhằm xác định giá làm cơ sở đầu tư tài sản

5. Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định thực hiện theo Quy trình đầu tư mua sắm của công ty và phải phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Người quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu quyết định không đúng thẩm quyền hoặc tài sản cố định được đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê không sử dụng được, sử dụng không hiệu quả.

Điều 9. Đầu tư nâng cấp, sửa chữa TSCĐ

1. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định không được tính tăng nguyên giá TSCĐ mà được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ, nhưng tối đa không quá 3 năm.

2. Đối với những tài sản cố định mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì doanh nghiệp được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì doanh nghiệp được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Điều 10. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

1. Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật. Trong đó, Hội đồng thành viên quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị dưới 50% Vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê tài sản nhưng giá trị còn lại của tài sản cho thuê không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Đối với công ty được thành lập để thực hiện thương xuyên, ổn định sản xuất, cung ứng sản phẩm công ích, khi cho thuê, cầm cố, thế chấp những tài sản trực tiếp phục vụ nhiệm vụ công ích phải có sự chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 11. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

1. Công ty chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

- Hội đồng thành viên giải quyết các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại dưới 50% Vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Hội đồng thành viên công ty được quyền quyết định ủy quyền hoặc phân cấp cho Giám đốc công ty quyết định nhượng bán tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

- Đối với các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên thì Hội đồng thành viên công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty quyết định.

- Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của công ty không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư thì công ty phải giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

- Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư, mua sắm đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong thời gian 03 năm đầu nhưng không đạt hiệu quả kinh tế theo dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công ty không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn đến công ty không trả được nợ vay theo kế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

- Việc nhượng bán tài sản cố định được thực hiện bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do công ty tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

- Trường hợp giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng thì Giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường.

- Trường hợp tài sản không có giao dịch trên thị trường thì công ty được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo phương thức trên.

- Trường hợp chuyển nhượng tài sản cố định gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Trình tự, thủ tục, thanh lý, nhượng bán tài sản:

Thực hiện theo khoản 4 Điều 27 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

5. Hạch toán nguyên giá, giá trị còn lại và chi phí thanh lý nhượng bán tài sản phải tuân thủ chế độ kế toán hiện hành.

Điều 12. Thanh lý công cụ dụng cụ:

- Các công cụ dụng cụ không tiếp tục sử dụng hoặc bị hư hỏng không thể sử dụng hoặc bị hư hỏng mà sửa chữa không khắc phục được thì được xem xét thanh lý.

- Các bộ phận trực tiếp quản lý, sử dụng lập danh sách công cụ dụng cụ cần thanh lý trình Giám đốc.

- Phòng Kế hoạch kỹ thuật phối hợp phòng Tài chính kế toán lập biên bản kiểm tra hiện trạng, xác định phương thức thanh lý, hướng dẫn các bộ phận làm tờ trình đề nghị thanh lý, trình Giám đốc công ty phê duyệt.

-Đối với những công cụ dụng cụ thanh lý bằng hình thức bán có giá trị thu hồi ước tính lớn phải thuê tư vấn thẩm định giá để xác định giá bán. Tiền thu được từ thanh lý, hạch toán, nhập quỹ theo quy định.

Điều 13. Thu hồi, điều chuyển TSCĐ, công cụ dụng cụ

-TSCĐ, công cụ dụng cụ khi không được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng thì bị thu hồi.

-TSCĐ, công cụ dụng cụ sẽ được điều chuyển từ nơi thừa sang nơi thiếu hoặc để nâng cao hiệu quả sử dụng.

-Việc thu hồi hoặc điều chuyển phải có sự phê duyệt của Giám đốc công ty, được lập thành biên bản ghi nhận việc bàn giao tiếp nhận, lưu hồ sơ theo quy định.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ TRÍCH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Điều 14. Nguyên tắc trích khấu hao TSCĐ

1. Tất cả TSCĐ hiện có của doanh nghiệp đều phải trích khấu hao, trừ những TSCĐ sau đây:

- TSCĐ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- TSCĐ khấu hao chưa hết bị mất.

- TSCĐ khác cho doanh nghiệp quản lý mà không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ TSCĐ thuê tài chính)

- TSCĐ không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

- TSCĐ sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động của doanh nghiệp (Trừ các TSCĐ phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp như: nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, nhà để xe, phòng hoặc trạm y tế để khám chữa bệnh, xe đưa đón người lao động, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động do doanh nghiệp đầu tư xây dựng).

2. Các khoản chi phí khấu hao tài sản cố định được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Trường hợp TSCĐ sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ cho người lao động của doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy chế này có tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp căn cứ vào thời gian và tính chất sử dụng các tài sản cố định này để thực hiện và trích khấu hao vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp và thông báo cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý để theo dõi, quản lý.

4. TSCĐ chưa khấu hao hết bị mất, bị hư hỏng mà không thể sửa chữa, khắc phục được, doanh nghiệp xác định nguyên nhân, trách nhiệm bồi thường của tập thể, các nhân gây ra. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản với tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra, tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm và giá trị thu hồi được (nếu có), thì phần chênh lệch thiếu được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp cho thuê TSCĐ hoạt động phải trích khấu hao đối với TSCĐ cho thuê.

6. Doanh nghiệp thuê TSCĐ theo hình thức thuê tài chính phải trích khấu hao TSCĐ đi thuê như TSCĐ thuộc sở hữu của doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

7. Trường hợp đánh giá lại giá trị TSCĐ đã hết khấu hao để góp vốn, điều chuyển khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì các TSCĐ này phải được các tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định giá trị nhưng không thấp hơn 20% nguyên giá tài sản đó. Thời điểm trích khấu hao đối với những tài sản này là thời điểm doanh nghiệp chính thức nhận bàn giao đưa tài sản vào sử dụng và thời gian trích khấu hao từ 3 đến 5 năm. Thời gian cụ thể do doanh nghiệp quyết định nhưng phải thông báo với cơ quan thuế trước khi thực hiện.

8. Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán tăng, giảm TSCĐ theo quy định hiện hành về chế độ kế toán doanh nghiệp.

9. Đối với các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng, doanh nghiệp đã hạch toán tăng TSCĐ theo giá tạm tính do chưa thực hiện quyết toán. Khi quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành có sự chênh lệch giữa giá trị tạm tính theo và giá trị quyết toán, doanh nghiệp phải điều chỉnh lại nguyên giá TSCĐ theo giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Doanh nghiệp không phải điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kể từ thời điểm TSCĐ hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định trên cơ sở lấy giá trị quyết toán TSCĐ được phê duyệt trừ (-) số đã trích khấu hao đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản cố định chia (:) thời gian trích khấu hao còn lại của TSCĐ theo quy định.

Điều 15. Thời gian trích khấu hao của TSCĐ

1. Đối với tài sản cố định còn mới (chưa qua sử dụng), công ty căn cứ vào khung thời gian trích khấu hao TSCĐ quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính để xác định thời gian trích khấu hao của TSCĐ.

2. Đối với TSCĐ đã qua sử dụng, thời gian trích khấu hao của TSCĐ được xác định như sau:

$$\text{Thời gian trích khấu hao TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị hợp lý TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng loại mới 100\%}} \times \text{Thời gian trích khấu hao TSCĐ mới cùng loại xác định theo PL 01}$$

3. Công ty chỉ được thay đổi thời gian trích khấu hao TSCĐ một lần đối với một tài sản. Việc kéo dài thời gian trích khấu hao của TSCĐ bảo đảm không vượt quá tuổi thọ kỹ thuật của TSCĐ và không làm thay đổi kết quả kinh doanh của doanh nghiệp từ lãi thành lỗ hoặc ngược lại tại năm quyết định thay đổi.

Điều 16. Phương pháp trích khấu hao tài sản cố định:

1. Công ty trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng, có mức tính ổn định từng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp của tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh.

2. Công ty hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ. Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao nhanh là máy móc, thiết bị; dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm; thiết bị và phương tiện vận tải; dụng cụ quản lý; súc vật, vườn cây lâu năm. Khi thực hiện trích khấu hao

nhANH, doanh nghiệp phải đảm bảo kinh doanh có lãi. Trường hợp công ty trích khấu hao nhanh vượt 2 lần mức quy định tại khung thời gian sử dụng tài sản cố định nêu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính, thì phần trích vượt mức khấu hao nhanh (quá 2 lần) không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập trong kỳ.

3. Phương pháp trích khấu hao áp dụng cho từng TSCĐ mà công ty đã lựa chọn và thông báo cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý phải được thực hiện nhất quán trong suốt quá trình sử dụng TSCĐ. Trường hợp đặc biệt cần thay đổi phương pháp trích khấu hao, công ty phải giải trình rõ sự thay đổi về cách thức sử dụng TSCĐ để đem lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp. Mỗi tài sản cố định chỉ được phép thay đổi một lần phương pháp trích khấu hao trong quá trình sử dụng và phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Chương V

KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, CÔNG CỤ DỤNG CỤ; ĐÁNH GIÁ LẠI GIÁ TRỊ TÀI SẢN VÀ XỬ LÝ KHI CÓ TỒN THẤT TSCĐ, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Điều 17. Kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ

Thực hiện theo Điều 6 Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 về Hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015, theo đó:

1. Doanh nghiệp phải tổ chức kiểm kê thực tế để xác định số lượng các loại tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn, công cụ dụng cụ thuộc quyền quản lý, sử dụng của doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

- a) Thời điểm khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm;
- b) Khi thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu;
- c) Sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì các nguyên nhân khác gây ra biến động tài sản của doanh nghiệp;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Xử lý kết quả kiểm kê:

- a) Xử lý kết quả kiểm kê tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm:

- Trường hợp kết quả kiểm kê thiếu tài sản, công cụ dụng cụ so với số liệu đã ghi vào sổ sách kế toán nếu do nguyên nhân chủ quan của tập thể, cá nhân có liên quan gây ra thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường. Hội đồng thành viên, Giám đốc quyết định mức bồi thường và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Giá trị tài sản bị thiếu sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của tập thể, cá nhân (nếu có) hoặc giá trị tài sản thiếu do nguyên nhân khách quan, doanh nghiệp hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- Trường hợp kết quả kiểm kê thừa so với số liệu đã ghi vào sổ sách kế toán, doanh nghiệp phải xác định rõ nguyên nhân thừa tài sản, đối với tài sản thừa không phải trả lại được hạch toán vào thu nhập khác của doanh nghiệp; đối với tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân thì hạch toán vào phải trả, phải nộp khác; trường hợp giá trị tài sản thừa đã

xác định được nguyên nhân và có biên bản xử lý thì căn cứ vào quyết định xử lý để hạch toán cho phù hợp.

b) Việc xử lý kết quả kiểm kê theo quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng trường hợp kiểm kê cụ thể.

Điều 18. Đánh giá lại giá trị tài sản

1. Công ty thực hiện đánh giá lại giá trị tài sản theo điểm a khoản 5 Điều 3 Quy chế này.
2. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị tài sản do đánh giá lại được hạch toán theo quy định.

Điều 19. Xử lý tổn thất tài sản, công cụ dụng cụ

1. Khi xảy ra tổn thất tài sản, công cụ dụng cụ (mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém phẩm chất, làm giảm giá trị của tài sản) Công ty phải tiến hành xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất, quy trách nhiệm và lập phương án xử lý theo các nguyên tắc sau:

Đối với những tổn thất do nguyên nhân chủ quan thì cá nhân, tập thể gây ra tổn thất phải bồi thường, thẩm quyền quyết định mức bồi thường dựa vào Điều lệ Công ty. Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, nếu thiếu thì Giám đốc trình Hội đồng thành viên phương án xử lý.

Đối với những tổn thất do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng thì Giám đốc trình Hội đồng thành viên phương án xử lý.

Doanh nghiệp có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Hội đồng thành viên, Giám đốc chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất tài sản của doanh nghiệp.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Bộ phận, cá nhân nào có hành vi vi phạm Quy chế quản lý, sử dụng Tài sản, công cụ dụng cụ của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm và mức độ hậu quả gây ra đều phải chịu hình thức kỷ luật tương xứng theo quy định của Công ty.

2. Giám đốc công ty quyết định hình thức xử lý vi phạm và mức bồi thường vật chất nếu có đối với các bộ phận, cá nhân vi phạm.

3. Hình thức xử lý vi phạm

a) Hình thức nhắc nhở được áp dụng khi các bộ phận, cá nhân vi phạm lần đầu các quy định về quản lý, sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ.

b) Trường hợp các bộ phận, cá nhân đã được nhắc nhở nhưng vẫn tiếp tục có hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ thì bị xử lý bằng hình thức công khai trong toàn đơn vị.

c) Các bộ phận, cá nhân để tái diễn 1 hành vi vi phạm từ 03 lần trở lên trong 1 năm hoặc tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét hạ bậc thi đua.

d) Các bộ phận, cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này, để xảy ra thiệt hại về mặt tài chính thì ngoài việc bị xử lý theo các hình thức tại các điểm a), b), c) Khoản 2 điều này còn bị xử lý trách nhiệm vật chất theo các quy định hiện hành.

3. Xử lý trách nhiệm vật chất:

Các bộ phận, cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này, để xảy ra thiệt hại về mặt tài chính có trách nhiệm bồi thường giá trị TSCĐ, công cụ dụng cụ bị thiệt hại cũng như chi phí khắc phục hậu quả do việc vi phạm gây ra.

Phòng Kế hoạch Kỹ thuật phối hợp phòng Tài chính Kế toán và bộ phận trực tiếp sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ bị thiệt hại xác định giá trị thiệt hại làm cơ sở áp dụng trong việc xử lý trách nhiệm vật chất, trình Giám đốc ra quyết định xử lý.

Điều 21. Tổ chức thực hiện.

1. Quy chế này bao gồm 6 Chương 21 Điều, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ theo các quy định tại Quy chế này.

2. Đối với những điều khoản không thể hiện trong quy chế này, công ty phải thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

4. Việc sửa đổi và bổ sung Quy chế này do Hội đồng thành viên công ty phê duyệt trên cơ sở kiến nghị của Giám đốc công ty./.

**CÔNG TY TNHH MTV
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 6**